

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/DS-PT

Ngày: 19-8-2019

V/v tranh chấp ranh giới quyền  
sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số 299/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 269/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Công T, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh V: Luật sư Nguyễn Tấn T, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư T. (Có mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1965; (Vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Trần Thanh D, sinh năm 2000; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1980; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ngân hàng N; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp;

3.7. Ủy ban nhân dân huyện V; địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn đề nghị được vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh V - Là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Ông Đặng Công T trình bày: Ông T có thửa đất số 384, tờ bản đồ 01, cấp ngày 01/3/2012, tại xã H, huyện V do ông T đứng tên quyền sử dụng. Liên kề thửa 384 là thửa đất số 59, tờ bản đồ 14 do ông V đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/8/2013. Giáp với thửa đất của ông V là con mương do ông bà ông T đào trước năm 1975, từ trước đến nay do gia đình ông T sử dụng, có cho những hộ dân phía trong sử dụng chung con mương này (trong đó có ông V). Trước đây, ông V có trồng cỏ cho bò ăn xuống mé con mương khoảng 1,5m, ông T không đồng ý nên tranh chấp. Nay ông T xác định từ mé con mương phía giáp đất ông V trở về đất ông T là thuộc quyền

sử dụng của ông T. Hiện nay ông V không còn trồng cỏ phủ xuống mương nữa, nhưng do ông V xác định đó là mương thủy lợi của Nhà nước nên ông T yêu cầu Tòa án xác định con mương thuộc quyền sử dụng của ông T, theo đo đạc thực tế diện tích con mương ngang một đầu 3,87m, một đầu 3,91m, diện tích 261,7m<sup>2</sup>. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đang thế chấp vay tiền ở ngân hàng N huyện V.

Đối với bà N trước đây ông T có làm đơn khởi kiện tranh chấp ranh, nhưng sau đó đã thỏa thuận xong nên ông T đã làm đơn rút đơn khởi kiện. Đối với ông T1, ranh đất cũng thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Ông Nguyễn Thanh V trình bày: Giáp với con mương đang tranh chấp là thửa đất số 59, tờ bản đồ 14 do ông V đứng tên quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 08/8/2013. Nguồn gốc đất con mương đang tranh chấp là con kênh thủy lợi sử dụng chung cho những hộ dân trong khu vực để canh tác. Ông V cho người khác thuê đất có trồng cỏ phủ xuống lòng mương, ông T tranh chấp nên bên ông V không còn trồng nữa. Trước đây, ông T kiện ông V ở xã, ông V cùng thống nhất là con mương của ông T cho êm xuôi, thực tế là kênh thủy lợi, vì đất ông V được cấp sơ đồ thể hiện giáp kênh thủy lợi chứ không phải thửa đất của ông T. Ông V xác định toàn bộ con mương theo kết quả đo đạc thực tế ngang một đầu 3,87m, một đầu 3,91m, diện tích 261,7m<sup>2</sup> là của Nhà nước chứ không phải của ông T. Ông V thống nhất từ bờ mương trở vào đất ông V là của ông V.

Nay ông V không đồng ý con mương là thuộc quyền sử dụng đất của ông T, yêu cầu Tòa xác định con mương là kênh thủy lợi của Nhà nước, yêu cầu để cho mọi người sử dụng chung là đường nước canh tác. Hiện nay, Nhà nước đã cho xáng mức đầu kênh phía trong giáp kênh S, nên nước từ con kênh S dẫn vào con mương cho các hộ dân phía sau sử dụng, không cần sử dụng đường nước dẫn từ rạch C vô nữa (mùa nước cạn nhưng vẫn đủ nước tưới tiêu).

- Luật sư T trình bày: Xác định con mương là của ông bà chung, vì hai bên có bà con. Hiện nay ông V không còn trồng cỏ phủ xuống mương. Ông T kiện ông V tranh chấp quyền sở hữu con mương là không có cơ sở. Các văn bản trả lời của Ủy ban không có giá trị pháp lý. Đề nghị đưa Ủy ban nhân dân

xã H vào tham gia tố tụng. Đối tượng khởi kiện không có nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Hồng K trình bày: Ông K là người đang thuê đất của ông T. Nay ông K không yêu cầu gì trong vụ án này. Việc thuê đất giữa ông T và ông K để tự thỏa thuận.

- Bà Huỳnh Thị N trình bày: Ranh đất tranh chấp giữa bà N và ông T đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Công T.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 384, tờ bản đồ 01, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 01/3/2012, do ông Đặng Công T đứng tên quyền sử dụng và thửa đất số 59, tờ bản đồ 14 do hộ ông Nguyễn Thanh V đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/8/2013, cùng tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp như sau:

Từ điểm M1 kéo thẳng về hướng điểm M4 dài 79,64m là ranh chung.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải tháo dỡ di dời theo quy định của pháp luật.

(Có biên bản xem xét thẩm định ngày 24/8/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 22/11/2018 kèm theo).

Ông Đặng Công T và hộ ông Nguyễn Thanh V, bà Trần Thị Thùy L, anh Nguyễn Trần Thanh D phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế được xác định ranh.

Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh V được miễn toàn bộ án phí.

Ông Đặng Công T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) ngày 10/10/2016 theo biên lai số 11483 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 03/8/2017 theo biên lai số 16579 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản :

Ông Nguyễn Thanh V phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 8.653.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng). Số tiền này ông Đặng Công T đã tạm nộp đủ và chi xong. Buộc ông Nguyễn Thanh V trả lại cho ông Đặng Công T là 8.653.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Công T và bà Trịnh Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/4/2019, Ông Nguyễn Thanh V kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Công T, đình chỉ giải quyết vụ án. Không đồng ý chịu chi phí thẩm định giá.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với ông V để giải quyết vụ án và không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông V: Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng thẩm quyền, vì giữa ông T với ông V hoàn toàn không có tranh chấp. Bản thân của ông T cũng không biết chính xác ai là người đào con mương, mà chỉ nói là mương do ông bà đào, nếu như vậy là con mương phải được sử dụng chung giữa ông T với ông V (ông bà chung của 02 bên). Căn cứ nào xác định con mương là của ông T để cấp QSDĐ cho ông T, án sơ thẩm cũng không làm rõ phần đất kênh thủy lợi để xác định đúng QSDĐ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ biên bản hòa giải của xã xác định là ông V thừa nhận con mương của ông T là chưa thuyết phục. Ủy ban nhân dân (UBND) xã không có thẩm quyền xác định có hay không có con kênh thủy lợi và do ông T san lấp dần làm cho chiều ngang kênh thủy lợi nhỏ lại nên mới cho đó là con mương. Đề nghị hủy án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T và không buộc ông V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

+ Ông V không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, vì đường nước là kênh thủy lợi, không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, Luật sư trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy, tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2006 của UBND xã H, ông V thừa nhận con mương là của ông T. Đồng thời, tại Văn bản ngày 20/5/2016, 07/12/2016 của UBND xã H xác nhận vị trí đất tranh chấp thuộc thửa 384 tờ bản đồ số 01; ngày 14/6/2016 UBND xã xác minh những hộ sử dụng đất trong khu vực cho biết, con mương do gia đình ông T đào trước năm 1975 để phục vụ sản xuất. Công văn số 107/UBND –NC ngày 02/7/2018 của UBND huyện V, xác nhận phần đất tranh chấp từ mốc M1, M2, M3, M4 thuộc một phần thửa 384 tờ bản đồ số 01 do ông T đứng tên QSDĐ. Do đó, xác định ranh đất của thửa số 384 với thửa số 59 từ mốc M1 kéo thẳng đến mốc M4 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/11/2018 là có căn cứ.

Đối với giấy chứng nhận QSDĐ của V có hình thể thửa số 59 giáp thủy lợi, nên ông cho rằng con mương là kênh thủy lợi do nhà nước quản lý. Tuy nhiên, UBND xã H, UBND huyện V đều xác định lại là phần đất tranh chấp cấp QSD cho ông T chứ không phải kênh thủy lợi.

Ông V cho rằng, các bên không có lấn ranh, cũng không có tranh chấp về QSDĐ, việc xác định ranh là thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước về quản lý đất đai, nhưng Tòa án thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền; ông không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định. Việc này là do vào năm 2006, ông V tự ý đào vét con mương nên ông T khiếu nại và UBND xã đã hòa giải, nhưng đến năm 2015 thì ông V trồng cỏ lấn sang con mương nên tiếp tục xảy ra tranh chấp. Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2015 của UBND xã H, ông V cho rằng đất con mương là công cộng, nên ông T mới khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xác định ranh đất. Nay ông V vẫn xác định con mương không thuộc quyền sử dụng của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông T, nên ông phải chịu chi phí thẩm định là đúng. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V xác định anh Nguyễn Thành Đ, anh Nguyễn Thành C đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai (anh Đ, anh C đăng ký hộ khẩu với hộ ông V) nhưng vắng mặt không có lý do và bà L, anh D, cũng được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định. Đại diện UBND huyện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp quy định nên chấp nhận.

[2] Xét thấy, ông T đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 01/3/2012, diện tích đất tại thửa số 384 tờ bản đồ số 01, giáp với đất của ông T là đất của hộ ông V, bà Trần Thị Thùy L, anh Nguyễn Trần Thanh D (gọi là hộ ông V) được cấp QSDĐ ngày 08/8/2013, thửa số 59 tờ bản đồ số 14, đất tại xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Trên thực tế, ranh đất tranh chấp là tại con mương dẫn nước tưới tiêu sản xuất lúa (kênh thủy lợi). Quá trình sử dụng đất, ông V cho rằng con mương là kênh thủy lợi không thuộc quyền sử dụng đất của ông T và ông V trồng cỏ ở mé mương để nuôi bò. Ông T xác định con mương là đất của ông nhưng ông V trồng cỏ nói trên là lấn sang ranh đất, nên ông không đồng ý và yêu cầu xác định ranh đất.

[3] Ông V cho rằng, UBND xã và huyện xác nhận thửa đất 384 của ông T giáp với đất của ông, nhưng giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông thể hiện giáp với kênh thủy lợi (không giáp thửa 384 của ông T), nên xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là chưa đúng. Trình bày của ông V là không phù hợp, bởi vì: Văn bản ngày 07/12/2016 của UBND xã H và Công văn số 107/UBND-NC ngày 02/7/2018 của UBND huyện V, xác định con mương do gia đình ông T đào trước năm 1975 để phục vụ sản xuất (căn cứ xác minh những hộ sử dụng đất trong khu vực) và hồ sơ quản lý của Nhà nước về đất đai không có kênh thủy lợi. Căn cứ hồ sơ cấp QSDĐ, cơ quan có thẩm quyền xác định QSDĐ của ông T được cấp giấy chứng nhận diện tích 5.223m<sup>2</sup> thửa số 384, trong đó có phần đất trong phạm vi các mốc số M1, M2, M3, M4 (theo sơ đồ đo đạc 22/11/2018 là đất con mương, sơ đồ trong giấy chứng nhận QSDĐ là kênh thủy lợi). Mặt khác, tại biên bản hòa giải tranh chấp ranh mương ngày 13/12/2006 (bút lục 192), ông V thừa nhận con mương dẫn nước giáp đất của ông là thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông T và thừa nhận việc ông vét mương mà không báo cho ông T biết là có khuyết điểm. Ông V cũng thừa nhận thực tế chỉ có 01 đường dẫn nước đang tranh chấp ranh và ông cũng khẳng định là không phải đất của ông.

[4] Ông V trình bày, nếu ông T san lấp con mương thì sẽ không còn đường dẫn nước canh tác lúa được nữa. Tuy nhiên, ông V và ông T đều trình bày là nếu san lấp con mương thì ông T cũng không có đường nước nào khác để sản xuất và ông V cũng đang sử dụng nước từ rạch S để canh tác. Đồng thời, án sơ thẩm chỉ xác định ranh giới QSDĐ của 02 thửa đất giáp ranh với nhau.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo trình bày của ông T và ông V thì nguyên nhân là do ông V trồng cỏ để nuôi bò lấn ranh đất nên xảy ra tranh chấp, nhưng 02 bên không thỏa thuận được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, nên ông V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Buộc ông V trả cho ông T số tiền 8.653.000đ (ông T đã tạm ứng) là phù hợp với quy định .

[6] Xét đề nghị của Luật sư: Nguồn gốc đất của 02 bên đều là của ông bà chung để lại, nhưng việc phân chia đất đã xác định phạm vi sử dụng rõ ràng và đã được đương sự thừa nhận sử dụng ổn định, được Nhà nước công nhận, vì vậy xác định đường nước chung là không có cơ sở. Các nội dung khác của Luật sư trình bày cũng không có cơ sở để chấp nhận như đã phân tích trên. Do đó không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[7] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[8] Ông V kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V.



Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Công T.

2. Xác định ranh giới QSDĐ giữa thửa số 384, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận cấp cho ông Đặng Công T ngày 01/3/2012 và thửa số 59, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh V ngày 08/8/2013. Đất tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, như sau:

Từ điểm mốc M1 đo kéo thẳng về hướng điểm mốc M4 chiều dài 79,64m là ranh đất (đường thẳng nối từ mốc M1 đến mốc M4). Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ lòng đất đến không gian, tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 22/11/2018).

Ông Đặng Công T, hộ ông V được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ theo diện tích thực tế theo quy định của pháp luật.

3. Án phí:

Ông V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Công T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai số 11483 ngày 10/10/2016 và 300.000đ theo biên lai số 16579 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0000260 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Buộc ông V phải nộp số tiền 8.653.000đ để trả lại cho ông T.

Ông T được nhận lại số tiền do ông V trả là 8.653.000đ nói trên.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Công T với bà Huỳnh Thị N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vượng**